

Số: **989/QĐ-UBND**

Thừa Thiên Huế, ngày **22** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển
hợp tác xã;
Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa
Thiên Huế;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 366/TTr-SNV ngày 13
tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Quý Phương



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Kèm theo Quyết định số: **989** /QĐ-UBND ngày **22** tháng **4** năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Khách hàng” là pháp nhân, cá nhân thuộc đối tượng được vay vốn của Quỹ theo quy định.

2. “Cho vay” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.

3. “Ủy thác cho vay” là việc Quỹ giao vốn cho bên nhận ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ.

4. “Nhận ủy thác cho vay” là việc Quỹ nhận vốn của bên ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

5. “Vốn điều lệ thực có” được xác định bằng mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.

6. “Nợ xấu” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ.

7. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn với Quỹ quy định tại Điều 9 Điều lệ này thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại;

b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;

c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

8. “Người quản lý Quỹ” là Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

9. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật hợp tác xã, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu

tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, mô hình hoạt động, người đại diện pháp luật

1. Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế, trực thuộc Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế; tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

2. Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế là quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và Hợp tác xã.

3. Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ: là Chủ tịch Quỹ, đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế;

b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: QHTPHTXTTH;

c) Tên giao dịch quốc tế: TTH Co-operative Development Assistance Fund, viết tắt là TTHCDAF.

2. Trụ sở chính: đặt tại Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

a) Điện thoại: 0234.3833105

b) Fax: 0234.3833105

c) Email: qhtpt.lmhtx@thuathienhue.gov.vn

d) Website: lienminhhtx.thuathienhue.gov.vn

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước, các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định trong Điều lệ này, và pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Thực hiện cho vay đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định của Quy chế cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Huy động vốn của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quy chế huy động vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, hoàn trả cả gốc và lãi đúng thời hạn.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Trách nhiệm của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế;

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế để phê duyệt, ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt, ban hành các văn bản quy trình, quy chế nội bộ về tổ chức quản trị và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế, phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Quyền hạn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế

a) Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ này;

b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, đủ điều kiện, phù hợp với chính sách hỗ trợ khách hàng của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 8. Các hoạt động của Quỹ

1. Cho vay đối với khách hàng theo quy định tại Điều lệ này.

2. Ủy thác và nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

3. Huy động, tiếp nhận các nguồn tài chính trong và ngoài nước để thực hiện cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thực hiện các hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư, tài chính và dịch vụ hỗ trợ; đào tạo cho khách hàng vay vốn của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

Điều 9. Cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã;
 b) Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
 c) Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Phạm vi cho vay

Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trong phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Điều kiện vay vốn

Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;
 b) Pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật. Cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
 c) Có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay;
 d) Thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều lệ này;
 đ) Có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.
 e) Tại thời điểm giải ngân lần đầu sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, khách hàng không có nợ xấu tại Quỹ và các tổ chức tín dụng.

4. Hình thức cho vay

Quỹ xem xét quyết định cho khách hàng vay theo các hình thức cho vay sau:

a) Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay tối đa 01 (một) năm;
 b) Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 01 (một) năm và tối đa 05 (năm) năm;
 c) Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay trên 05 (năm) năm và tối đa 07 (bảy) năm.

5. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay

a) Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại điểm b khoản này, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn

cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

b) Giới hạn cho vay

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;

- Tổng mức cho vay đối với một khách hàng và người có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

6. Thời hạn vay vốn

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ, Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay, tối đa không quá 07 (bảy) năm.

7. Phương thức cho vay

a) Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay;

b) Cho vay hợp vốn: Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và hoặc tổ chức tín dụng khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn;

c) Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này;

d) Các phương thức cho vay khác theo quy định của pháp luật.

8. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay phù hợp với chính sách ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, đồng thời đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động và phòng ngừa rủi ro của Quỹ.

b) Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

c) Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay trong từng thời kỳ, miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn sau khi có ý kiến phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

9. Bảo đảm tiền vay

a) Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ và khách hàng thỏa thuận theo Quy chế về bảo đảm tiền vay của Quỹ;

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm;

c) Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế bảo đảm tiền vay, trong đó quy định rõ từng biện pháp bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định miễn tài sản bảo đảm, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Khách hàng không có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng.

g) Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay.

11. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về cho vay, quản lý tiền vay phù hợp với quy định tại Điều lệ này, quy định của pháp luật có liên quan và đảm bảo các nội dung tối thiểu như sau: Đối tượng cho vay, điều kiện cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, hồ sơ cho vay, thu nợ, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn; quy trình thẩm định, phê duyệt và quyết định cho vay; quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, các trường hợp được miễn tài sản bảo đảm căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng; thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm; xử lý rủi ro và các quy định cụ thể khác.

Điều 10. Ủy thác cho vay

1. Quỹ ủy thác vốn cho các tổ chức tài chính, tín dụng được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện cho vay đối với khách hàng theo chính sách cho vay của Quỹ quy định tại Điều lệ này.

2. Bên nhận ủy thác cho khách hàng vay vốn từ nguồn vốn ủy thác của Quỹ với lãi suất bằng lãi suất cho vay trực tiếp của Quỹ. Phí ủy thác do Quỹ chi trả cho bên nhận ủy thác, mức phí ủy thác do Chủ tịch Quỹ quyết định trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến chấp thuận về chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế ủy thác cho vay sau khi có ý kiến chấp thuận về chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó có tối thiểu các nội dung sau: tiêu chí lựa chọn Bên nhận ủy thác; đối tượng cho vay ủy thác; nguyên tắc ủy thác; trình tự, thủ tục ủy thác; quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình ủy thác cho vay và các quy định khác phù hợp với Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 11. Nhận ủy thác cho vay

1. Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 12. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay

1. Quỹ thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay mà Quỹ chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với tổ chức tài chính vi mô.

2. Đối với những khoản cho vay ủy thác hoặc nhận ủy thác mà Quỹ không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

3. Sau 05 (năm) năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, Quỹ xem xét xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động cho vay của Quỹ, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 13. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay trực tiếp của Quỹ:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ; gia hạn nợ vay;

b) Miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn;

c) Khoanh nợ; xóa nợ lãi;

d) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;

đ) Bán nợ;

e) Xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng;

g) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Các biện pháp xử lý rủi ro trong hoạt động ủy thác cho vay thực hiện theo Quy chế ủy thác cho vay do Chủ tịch Quỹ ban hành.

3. Thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay:

a) Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh xem xét phê duyệt xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

phê duyệt về chủ trương miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn, khoan nợ, xóa nợ lãi, bán nợ.

b) Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ xem xét quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro quy định tại khoản 2, Điều 14 Điều lệ này.

c) Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh; miễn giảm lãi trong hạn, quá hạn; khoan nợ; xóa nợ lãi; bán nợ đối với từng trường hợp cụ thể sau khi Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt về chủ trương.

d) Giám đốc Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ; gia hạn nợ); chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng cho vay và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ báo cáo;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay;

d) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

đ) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng, trình Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt;

e) Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Quỹ ký ban hành.

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Quỹ phân công.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 15. Huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

a) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;

b) Vay của tổ chức, cá nhân ngoài Quỹ;

c) Vay của người lao động trong Quỹ;

d) Nhận tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;

đ) Phát hành trái phiếu;

e) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

- a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ;
- b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;
- c) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thảm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch Quỹ quyết định việc huy động vốn với tổng số dư nợ tối đa không vượt quá 3 (ba) lần vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Quỹ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

b) Trường hợp huy động vốn vượt quá mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Quỹ báo cáo Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về huy động vốn của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 16. Hoạt động khác

1. Quỹ thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Dịch vụ tư vấn đầu tư;
- b) Dịch vụ tư vấn tài chính;
- c) Dịch vụ đào tạo.

2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện các loại hình dịch vụ:

- a) Có kế hoạch/phương án tổ chức các loại hình dịch vụ;
- b) Chỉ tự thực hiện các dịch vụ nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nếu không đủ điều kiện;
- c) Chi phí thực hiện được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ khác của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.
2. Kiểm soát viên.
3. Ban điều hành gồm: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
4. Bộ máy giúp việc.

Điều 18. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ do UBND tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo quy định của pháp luật và phân cấp hiện hành.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ:

- a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;
- c) Có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- d) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;
- đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

- a) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm;
- b) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;
- c) Đề nghị Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh Giám đốc Quỹ;
- d) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ sau khi được Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt chủ trương;
- đ) Báo cáo Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ;

e) Trình Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên Quỹ;

g) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

h) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

i) Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

k) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công;

l) Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

m) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị;

n) Giải trình và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về những công việc theo phân công hoặc theo quyết định;

o) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động bộ máy của Quỹ.

Điều 19. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên của Quỹ: Có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách do Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo quy định của pháp luật. Đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Kiểm soát viên, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; giúp kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch Quỹ và Giám đốc Quỹ theo quy định của pháp luật, Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ và Điều lệ Quỹ.

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

b) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán và kinh nghiệm về kiểm soát trong hoạt động tín dụng;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Giám sát đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế cho vay, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế quản trị nội bộ khác của Quỹ;

d) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch quỹ, Giám đốc;

đ) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

e) Kịp thời thông báo cho Chủ tịch Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

g) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

h) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

d) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên

- a) Hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách tại Quỹ;
- b) Độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;
- c) Hoạt động theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ.

7. Chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

Điều 20. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo quy định của pháp luật; trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ. Đối với việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm Giám đốc Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định sau khi có ý kiến đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giám đốc Quỹ do một đồng chí trong Ban Thường vụ Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

- a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;
- b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc ủy quyền lại cho Phó Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy

quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật và kịp thời báo cáo Chủ tịch Quỹ;

g) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định tuyển dụng, bổ trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo quy chế, quy định của Quỹ. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ, của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp [người đại diện theo pháp luật] giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 24. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc trên cơ sở chấp thuận về chủ trương của Chủ tịch Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định, trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn điều kiện quy định của Điều lệ Quỹ và quy định của Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 05 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc Quỹ do Chủ tịch Quỹ ban hành.

6. Khen thưởng và kỷ luật

Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành.

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT, CÔNG KHAI THÔNG TIN.

Điều 25. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo của Quỹ được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản phù hợp với quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 26. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 27. Nguồn vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu:

- a) Vốn điều lệ;
- b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;
- c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;
- đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
- e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.

2. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Quỹ là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trên cơ sở đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 29. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

3. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

5. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

6. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

7. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

Điều 30. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác

1. Người quản lý, Kiểm soát viên, cán bộ, nhân viên của Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác theo quy định như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và chế độ khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

3. Người quản lý, Kiểm soát viên làm việc theo chế độ chuyên trách và cán bộ, nhân viên được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan, sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Điều 31. Thu nhập của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Thu nhập của Quỹ bao gồm:

- a) Thu từ lãi và các khoản thu nhập tương tự;
- b) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ;
- c) Thu từ hoạt động khác;
- d) Thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

3. Cụ thể các khoản thu nhập của Quỹ theo khoản 2 Điều này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 32. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chi phí của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;
- b) Chi phí hoạt động dịch vụ;
- c) Chi hoạt động khác;
- d) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;
- đ) Chi cho cán bộ, nhân viên Quỹ hợp tác xã;
- e) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;
- g) Chi về tài sản;
- h) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay;
- i) Chi tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ;

k) Các khoản chi phí khác.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ

a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

b) Các khoản chi phạt của cá nhân do vi phạm hành chính, bao gồm: Vi phạm pháp luật giao thông; vi phạm pháp luật kế toán thống kê và các khoản vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ;

d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;

đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;

e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

4. Cụ thể các khoản chi phí Quỹ quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 33. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;

b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ:

Quỹ xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

Quỹ xếp loại C được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:

Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên.

d) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động; mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và Kiểm soát viên dùng để thưởng cho người quản lý Kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ.

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác.

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ; chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ.

e) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính tại quy chế quản lý tài chính, tài sản của Quỹ. Giám đốc Quỹ quy định cụ thể mục đích sử dụng và phối hợp với công đoàn Quỹ quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 (năm) năm. Nếu sau 05 (năm) năm, Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để báo cáo Chủ

tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giảm hoặc bổ sung vốn điều lệ, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Quỹ.

Điều 34. Chế độ báo cáo

1. Kiểm soát viên

Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh/thành phố.

2. Giám đốc Quỹ

a) Lập các báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát;

b) Gửi Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam báo cáo định kỳ 06 (sáu) tháng và hàng năm để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chính phủ theo quy định.

3. Các loại báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm;

d) Các Báo cáo định kỳ và đột xuất khác theo đề nghị của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: theo phương thức gửi trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

8. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất của Quỹ gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 35. Đánh giá hiệu quả hoạt động

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:
 - a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay;
 - b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);
 - c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;
 - d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính;
2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:
 - a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;
 - b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.
3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
4. Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 36. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành; chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh và kiểm tra và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

Điều 37. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:
 - a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;
 - b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;
 - c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;
 - d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - đ) Hồ sơ tín dụng;
 - e) Tài sản bảo đảm;
 - g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;
 - h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Bảo mật và công khai thông tin

Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền.

Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 39. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.

3. Trên cơ sở thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 40. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam thực hiện hoạt động cho vay.

2. Cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.

3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.

4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh, thành phố khác.

5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ công nhân viên của Quỹ.

6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

8. Lập và gửi báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm theo **Điều 37** Điều lệ này về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 41. Quan hệ giữa Quỹ với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 42. Quan hệ giữa Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của UBND tỉnh đối với hoạt động của Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Quỹ trình UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ theo quy định tại **Điều 34** Điều lệ này.

3. Trong quá trình hoạt động, Quỹ kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân phát sinh với UBND tỉnh; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.

4. Các nội dung khác theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

Điều 43. Quan hệ với Liên minh hợp tác xã tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Liên minh hợp tác xã tỉnh theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo với Liên minh hợp tác xã tỉnh theo **Điều 34** Điều lệ này phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Quỹ thực hiện hoặc phối hợp với Liên minh hợp tác xã tỉnh để thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm của Liên minh hợp tác xã tỉnh do cơ quan có thẩm quyền giao đối với Quỹ theo Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 44. Quan hệ giữa Quỹ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các Sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các Sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Tham mưu cho Liên minh hợp tác xã tỉnh về việc phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh việc điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ Quỹ trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Quỹ lập và gửi báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh theo **Điều 34 Điều lệ này**.

Điều 45. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác

Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ; đảm bảo nguyên tắc không trái với các quy định của pháp luật, bình đẳng, cùng có lợi, an toàn và hiệu quả.

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 46. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, các bên giải quyết tranh chấp quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 47. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu 20 (hai mươi) tỷ đồng trong thời hạn 03 (ba) năm theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.
2. Quỹ bị các cơ quan thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 (năm) năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 (năm) năm liên tiếp.
3. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp.
4. Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp.
5. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 48. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh, ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành Quyết định giải thể Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 49. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã tỉnh thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 50. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 51. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ

1. Trường hợp Quỹ chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ cho vay), báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan quản lý liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh.

2. Quỹ thực hiện xử lý tài chính khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 52. Tổ chức thực hiện**

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý để Quỹ tổ chức và hoạt động. Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, cơ quan điều hành Quỹ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quỹ có trách nhiệm thi hành Điều lệ này. Những nội dung không quy định trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm thường xuyên theo dõi chế độ chính sách, quy định của nhà nước, tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, thực tế hoạt động của Quỹ để tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động, đề xuất các nội dung cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Điều lệ này và báo cáo Chủ tịch Quỹ xem xét báo cáo Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.